

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2021

V/v tranh chấp về “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;

2. Ông Trịnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; xin xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống, bà và ông T sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung. Bà và ông T ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà Nguyễn Thị Thanh T xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Tấn T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn, ông Nguyễn Tấn T vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Nguyễn Tấn T; về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Nguyễn Tấn T đang cư trú tại xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn T. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là ly hôn.

[3]. Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn ông Nguyễn Tấn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T.

** Về nội dung:*

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện sống chung với nhau năm 2011, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 114/2015, quyền số 01/2015 ngày 23/7/2015 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Tấn T. Vì vậy, hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà và ông T bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông T không quan tâm đến vợ con, bà và ông T không còn sống chung từ năm 2020 đến nay, ông T không tới lui hàn gắn tình cảm và chăm sóc con chung; bà T nộp đơn khởi kiện ly hôn Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để làm việc, thể hiện ông T không mong muốn hàn gắn tình cảm với bà T.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, chứng cứ trong hồ sơ, thể hiện giữa bà T, ông T không còn tình cảm, ông, bà đã ly thân trong thời gian dài, không liên lạc với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[5]. Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết

[7]. Về nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9]. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về quan điểm giải quyết án.

[10]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2015, quyền số 01/2015 ngày 23/7/2015 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Tấn T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006116 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà T đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Tấn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thi